

TX. G, ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Số: 32/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P Đ.**

Địa chỉ: phường B, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hùng A, chức vụ: Chuyên viên cao cấp thu hồi nợ.

Địa chỉ: Số 170B, Quốc Lộ 1A, Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

*** Đồng bị đơn: Ông Phan Vĩnh H – sinh năm 1966**

Bà Huỳnh Thị Kim Y – sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phan Vĩnh H và bà Huỳnh Thị Kim Y cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ (Do Ngân hàng TMCP P Đ, Chi nhánh B, phòng giao dịch H đại diện nhận) số tiền nợ vốn gốc là 1.367.502.662 đồng và nợ lãi là 253.164.531 đồng. Tổng tiền vốn gốc và lãi là 1.620.667.193 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi ba đồng).

2.2. Ông Phan Vĩnh H và bà Huỳnh Thị Kim Y cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ (Do Ngân hàng TMCP P Đ, Chi nhánh B, phòng giao dịch H đại diện nhận) tiền lãi của số tiền vốn vay nêu trên từ ngày 21 tháng 7 năm 2022 đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận tại:

- Hợp đồng tín dụng số 0370/2020/PHP/HĐTDHM và khế ước nhận nợ số 0370.01/2020/PHP/KUNN ngày 15/7/2020.

- Hợp đồng tín dụng số 0174/2021/PHP/HĐTD và khế ước nhận nợ số 0174/2021/PHP/KUNN ngày 08/3/2021.

2.3. Về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán số nợ trên các đương sự thống nhất sẽ do cơ quan Thi hành án giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

2.4. Nếu ông Phan Vĩnh H và bà Huỳnh Thị Kim Y không thanh toán tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Đ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng diện tích đất 89,36m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 0053, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại Khóm 5, Phường 1, thị xã G, tỉnh B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 757406 do UBND huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 27/02/2003 cho ông Phan Vĩnh H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0077/2015/BĐ ngày 16/6/2015.

- Quyền sử dụng diện tích đất 96,4m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 66, đất tọa lạc tại Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 606276 do UBND thị xã G cấp ngày 16/9/2015 cho ông Phan Vĩnh H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0114/2015/BĐ ngày 30/9/2015

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Vĩnh H và bà Huỳnh Thị Kim Y cùng phải nộp 30.310.000 đồng (Ba mươi triệu, ba trăm mười ngàn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ không phải nộp tiền án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ đã nộp 27.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003745 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G nay được hoàn lại toàn bộ.

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: Ông Phan Vĩnh H và bà Huỳnh Thị Kim Y phải nộp 450.000 đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ đã dự nộp tạm ứng số tiền này nên ông H và bà Y phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P Đ 450.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Duy Khánh